TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - VĨNH LONG** Số: **01**/2025/QĐCNHGT-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào Điều 32; 33; 34 và 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của chị Trần Thị Minh H và chị Võ Thị Y, anh Nguyễn Nhật L.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi đề ngày 18 tháng 3 năm 2025; Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 15 tháng 5 năm 2025 của chị Trần Thị Minh H.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện*: Chị **Trần Thị Minh H**, sinh ngày: 12/9/1982.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người bị kiện*: Chị **Võ Thị Y**, sinh năm: 1977

Anh **Nguyễn Nhật L**, sinh năm: 1974

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 6 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 19 tháng 6 năm 2025, cụ thể như sau:

Chị Võ Thị Y thừa nhận còn nợ chị Trần Thị Minh H số tiền hụi là 120.960.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu chục ngàn đồng*). Chị Võ Thị Y có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Minh H số tiền nợ góp hụi là 120.960.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu chục ngàn đồng*). Thời gian trả là ngày quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 07/7/2025).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Minh H không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi nêu trên.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- VKSND Khu vực số 8;
- Cơ quan THADS Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Bùi Thái Dương